|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 102: BIỂU ĐỒ PHẦN TRĂM**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết đọc các biểu đồ phần trăm dạng cột, ô vuông.

**2. Kĩ năng:**

- Học sinh có kĩ năng dựng các biểu đồ phần trăm dạng cột và ô vuông.

**3. Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc, chú ý, cẩn thận trong quá trình trình bày.

- Yêu thích môn học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, tư duy logic.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Giáo án, SGK, SBT, sách giáo viên, phấn màu, bảng phụ vẽ sẵn biểu đồ phần trăm dưới dạng cột và dạng ô vuông như hình 13 và 14 SGK.60.

2. Học sinh: SGK, SBT đồ dùng học tập, đọc trước bài và làm bài tập về nhà.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Dẫn dắt học sinh tiếp cận bài học.  ***Phương pháp:*** Gợi mở, thuyết minh, đàm thoại. | | |
| - GV treo một trong số các biểu đồ phần trăm (dạng cột hoặc ô vuông hoặc hình quạt) và giới thiệu: “ Để nêu bật và so sánh một cách trực quan các giá trị phần trăm của cùng một đại lượng, ta thường dùng **biểu đồ phần trăm.** Biểu đồ phần trăm thường được dựng dưới dạng cột, ô vuông và hình quạt. Làm thế nào để vẽ được biểu đồ phần trăm dưới dạng cột, ô vuông? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.” |  |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức. (20 phút)**  ***Mục tiêu***: Học sinh hiểu được ví dụ về biểu đồ phần trăm, biểu đồ phần trăm dạng ô vuông, biểu đồ dạng cột, được giới thiệu thêm biểu đồ hình quạt. Biết cách vẽ biểu đồ dạng ô vuông, dạng cột.  ***Phương pháp:***Nêu vấn đề, trực quan, thuyết trình và vấn đáp. | | |
| - GV gọi HS đọc ví dụ trong SGK, GV tóm tắt số liệu lên bảng.  -Treo hình 13, 14 lên để HS quan sát.  - Biểu đồ phần trăm dưới dạng ô vuông: Ta thể hiện tổng số học sinh của nhà trường là 100% tương ứng với 100 ô vuông bằng nhau, mỗi ô vuông nhỏ ứng với 1%. 60% HS đạt hạnh kiểm tốt được biểu diễn tương ứng với 60 ô vuông màu trắng. 35% HS đạt hạnh kiểm khá được biểu diễn tương ứng với 35 ô vuông được tô màu gạch. 5% HS đạt hạnh kiểm tốt được biểu diễn tương ứng với 5 ô vuông còn lại.  GV hướng dẫn HS vẽ biểu đồ dưới dạng ô vuông của bài ví dụ vào vở.  - GV chỉ vào bảng phụ có vẽ hình 13 và giới thiệu biểu đồ phần trăm dưới dạng cột. GV hỏi: Quan sát biểu đồ và cho biết:  Trên biểu đồ này, tia thẳng đứng ghi gì, tia nằm ngang ghi gì ?  - GV giới thiệu cấu tạo, ‎ý nghĩa cách trục toạ độ trong biểu đồ hình cột và hướng dẫn HS vẽ biểu đồ hinh cột.  - **Gv giới thiệu biểu đồ hình quạt (đọc thêm):** Hình tròn được chia thành 100 hình quạt bằng nhau, mỗi hình quạt đó ứng với 1%. | - Một HS đọc ví dụ.  - HS lắng nghe, quan sát, thực hành vẽ theo hướng dẫn của GV.  - Quan sát hình 13 SGK, trả lời câu hỏi  - Ở biểu đồ hình cột, tia thẳng đứng ghi số phần trăm, tia nằm ngang ghi các loại hạnh kiểm.  - HS vẽ hình vào vở dưới sự hướng dẫn của GV.  - HS quan sát, lắng nghe. | **1. Biểu đồ phần trăm**  **Ví dụ:**  Một trường có:  60% số học sinh đạt hạnh kiểm tốt, 35% đạt hạnh kiểm khá, 5% là HK trung bình.  \* Biểu đồ phần trăm dưới dạng ô vuông:  60% (tốt)  35% (khá)  5% (Tb)  Hình 14  \* Biểu đồ dưới dạng cột  %  60  35  5  **O**    Các loại hạnh kiểm  Hình 13 |
| **C. Hoạt động luyện tập (10 phút)**  ***Mục tiêu***: Học sinh luyện tập cách vẽ biểu đồ phần trăm dạng cột.  ***Phương pháp:***Hoạt động cá nhân. | | |
| \* GV cho HS làm bài tập ?.  - GV gọi 1 HS đọc đề, GV tóm tắt đề lên bảng.  Lớp 6B có 40 HS  Đi xe buýt : 6 HS  Đi xe đạp : 15 HS  Đi bộ ?  - GV gọi một HS lên bảng tính tỉ số phần trăm số học sinh lớp 6B đi xe buýt, xe đạp, đi bộ và sau đó gọi 1 HS lên bảng vẽ biểu đồ cột. | - 1 HS đọc đề  - HS tính số HS đi bộ là 19 HS.  - Một HS lên bảng tính rồi 1HS lên bảng vẽ biểu đồ. Các học sinh khác làm vào vở. | ?.  Số HS đi bộ là:  40 – (15+6) = 19  Tỉ số phần trăm số HS đi xe buýt :  Tỉ số phần trăm số HS đi xe đạp  Tỉ số phần trăm số HS đi bộ |
| **D. Hoạt động vận dụng (10 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh luyện tập cách đọc biểu đồ phần trăm dạng cột để tìm hiểu thông tin.  ***Phương pháp***: Hoạt động nhóm. | | |
| **Hoạt động nhóm:**  - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ cùng thảo luận bài toán 150 trang 61 SGK.  - GV cho hai nhóm bất kỳ lên trình bày, các nhóm còn lại nhận xét. | - Đọc đề bài toán 150 trang 61 SGK.  - Lên bảng trình bày và nhận xét. | **Bài 150 (SGK-61)**  Tập đọc biểu đồ  a) có 8% bài đạt điểm 10.  b) loại điểm 7 nhiều nhất.  c) có 0% bài đạt điểm 9.  d) có 32% bài đạt điểm 6.  Tổng số bài kiểm tra là:  16: 32% = 16. 100.32  = 50 bài |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức trong lớp học.  ***Phương pháp***: Ghi chép tích cực. | | |
| **+** Về nhà xem lại các loại biểu đồ đã được học.  + Qua bài học các em cần nắm vững đọc các loại biểu đồ phần trăm và có kĩ năng vẽ các biểu đồ phần trăm dạng cột và ô vuông.  + Làm các bài tập 149, 151, 152, 153 (SGK trang 61 + 62) và bài 144 + 145 + 146 (SBT trang 38 +39) | HS ghi chép lại các bài tập được giao. | + Làm các bài tập 149, 151, 152, 153 (SGK trang 61 + 62.) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 103: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- HS được củng cố kiến thức về tỉ số phần trăm, cách vẽ các loại biểu đồ.

**2. Kĩ năng:**

- HS được rèn kĩ năng tìm tỉ số phần trăm của hai số, đọc biểu đồ phần trăm, vẽ biểu đồ phần trăm dạng cột và dạng ô vuông.

**3. Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc, chú ý, cẩn thận trong quá trình trình bày.

- Yêu thích môn học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, tư duy logic.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT.

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài và làm bài tập về nhà, SGK, SBT.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (12 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh củng cố lại kiến thức về tỉ số phần trăm, cách vẽ các loại biểu đồ.  ***Phương pháp:*** Vấn đáp, đàm thoại. | | |
| GV cho HS chữa bài 151(SGK-61)  Muốn đổ bê tông, người ta trộn 1 tạ xi măng, 2 tạ cát, 6 tạ sỏi.  a) Tìm tỉ số phần trăm  của các thành phần của bê tông.  b) Dựng biểu đồ ô vuông biểu diến các tỉ số phần trăm đó( trên bảng phụ có kẻ ô vuông).  - Gọi hai HS lên bảng lần lượt làm từng câu  - GV nhận xét và cho điểm. | 2HS lên bảng làm bài, nhận xét. | Bài 151(SGK-61)  a) Khối lượng của bê tông là:  1 + 2 + 6 = 9 (tạ)  - Tỉ số của xi măng là:    - Tỉ số của cát là:  - Tỉ số của sỏi là:  b)Vẽ biểu đồ ô vuông.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  | Xi măng 11% | | | | | |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | Cát 22% | | | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  | Sỏi 67% | | | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| **C. Hoạt động luyện tập. (12 phút)**  ***Mục tiêu***: Học sinh củng cố lại kiến thức về tỉ số phần trăm, cách vẽ các loại biểu đồ.  ***Phương pháp:*** Hoạt động cá nhân, vấn đáp, thuyết minh. | | |
| \* GV cho HS làm Bài 152 (SGK-61)  - GV gọi HS đứng tại chỗ đọc và tóm tắt đề bài, giáo viên ghi lại trên bảng.  Cả nước có 13076 trường tiểu học, 8583 trường THCS  và 1641 trường THPT  Dựng biểu đồ hình cột biểu diễn tỉ số phần trăm các loại trường trên?  - GV: ? Muốn dựng được biểu đồ biểu diễn các tỉ số trên ta cần làm gì trước tiên?  Biểu diễn cột tỉ số của ba loại trường bằng các miền kí hiệu khác nhau. | -Tóm tắt đầu bài trên bảng.  - Lần lượt HS lên bảng làm  - Cả lớp làm vào vở.  - Ta phải dựng hai trục thẳng đứng (trục tung – ghi phần trăm) và trục nằm ngang (trục hoành – ghi ba loại trường Tiểu học, THCS, THPT) | Bài 152 (SGK-61)  **Giải:**  Tổng số các trường phổ thông của nước ta năm học 1998 – 1999 là:  13076 + 8583 + 1641 = 23300  Trường Tiểu học chiếm:    Tường THCS chiếm:    Trường THPT chiếm:    60  **Tiểu học** học  TH CS  TH.PT  40  20 |
| **D. Hoạt động vận dụng. (15 phút)**  ***Mục tiêu***: Học sinh liên hệ giữa kiến thức vừa luyện tập với thực tế, biết cách vẽ biểu đồ hình quạt.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp và hoạt động nhóm. | | |
| **Bài toán thực tế:**  GV: Đưa đề bài và yêu cầu HS đọc đề và tính tỉ số phần trăm.  *Đề bài*: Trong tổng kết học kì I vừa qua, lớp ta có 8 HS giỏi, 16 HS khá, 2 HS yếu, còn lại là HS trung bình. Biết lớp có 40 HS. Dựng biểu đồ hình tròn | HS: Ghi đề bài và tính tỉ số phần trăm. | *Giải:*  \* *Tính tỉ số*  Số HS giỏi chiếm:  Số HS giỏi khá chiếm :  Số HS giỏi khá chiếm:  Số HS giỏi trung bình chiếm:  100% - 20% - 40% - 5% = 35%  \* *Vẽ biểu đồ hình tròn:* |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (5 phút)**  ***Mục tiêu:***  - Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức trong lớp học.  - Học sinh tìm hiểu trước nội dung bài **“Ôn tập chương III”**.  ***Phương pháp***: Gợi ý, giao bài tập về nhà, ghi chép tích cực. | | |
| + Qua bài học các em cần nắm vững tỉ số phần trăm, cách vẽ biểu đồ phần trăm.  + Làm các bài tập 147 +148+149 (SBT trang 39).  + Đọc trước câu hỏi ôn tập chương trang 62 SGK. | + Nghe, ghi nhớ.  + Ghi chép các BTVN. | + Bài tập 147 +148+149 (SBT trang 39). |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 104: ÔN TẬP CHƯƠNG**

**( Có thực hành giải toán trên MTCT)**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Củng cố lại kiến thức trong chương về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số. Các tính chất về phân số. Hổn số, số thập phân, phần trăm.

**2. Kĩ năng:**

- Học sinh được rèn kĩ năng thực hiện phép tính cơ bản về phân số như kĩ năng rút gọn phân số, so sánh phân số, tính giá trị biểu thức, tìm x.

- **3. Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc, chú ý, cẩn thận trong quá trình tính toán và trình bày.

- Yêu thích môn học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, tư duy logic.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT.

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài và làm bài tập về nhà, SGK, SBT.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động + B. Hoạt động hình thành kiến thức (22 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh phát biểu được được các kiến thức trọng tâm của phân số và ứng dụng. So sánh phân số. Các phép tính về phân số và tính chất.  ***Phương pháp:*** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh. | | |
| **Hoạt động 1: Khái niệm phân số (7 phút)** | | |
| GV: Thế nào là phân số? Cho ví dụ một phân nhỏ hơn 0, một phân số lớn hơn 0, một phân số bằng 0.  GV: Yêu cầu HS làm bài tập 154/64 (SGK) | HS: Ta gọi  với ,  là 1 phân số, a là tử số, b là mẫu số.  Ví dụ:  \  HS: Lên bảng trình bày bài tập. | **I. Ôn tập khái niệm phân số. Tính chất cơ bản của phân số.**  ***1) Khái niệm phân số***  Thế nào là phân số? Cho ví dụ một phân nhỏ hơn 0, một phân số lớn hơn 0, một phân số bằng 0.  *Trả lời:*  Ta gọi  với ,  là 1 phân số, a là tử số, b là mẫu số.  Ví dụ:  *Bài tập 154/64 (SGK)* |
| **Hoạt động 2: Các tính chất cơ bản của phân số. (8 phút)** | | |
| GV: Phát biểu tính chất cơ bản về phân số? Nêu dạng tổng quát. Sau đó GV viết lên bảng “Tính chất cơ bản của phân số”  GV: Vì sao bất kì một phân số nào cũng viết được dưới dạng một phân số có mẫu dương.  GV: Yêu cầu HS giải bài tập 156/64 (SGK)  GV: Muốn rút gọn một phân số ta làm thế nào?  GV: Ta rút gọn cho tới khi nào phân số tối giải. Vậy phấn số như thế nào gọi là phân số tối giản? | HS: Phát biểu tính chất cơ bản của phân số, nêu dạng tổng quát.  HS: Có thể viết một phân số bất kì có mẫu âm thành phân số bằng nó và có mẫu dương bằng cách nhân cả tử và mẫu của phân số đó với  (-1).  HS: Lên bảng giải các câu a,b  HS: Nêu Cách rút gọn như SGK  HS: Nêu như SGK. | ***2) Tính chất cơ bản về phân số***  **(SGK)**  *Bài tập 156/64 (SGK)* |
| **Hoạt động 3: Các phép tính về phân số (7 phút)** | | |
| GV: - Phát biểu quy tắc cộng hai phân số trong trường hợp: cùng mẫu, không cùng mẫu.  - Phát biểu quy tắc trừ phân số, nhân phân số, chia phân số.  GV: Tổng hợp các phép tính về phân số trên bảng.  GV: Nêu các tính chất cơ bản của phép cộng và phép nhân phân số như SGK.  GV: Yêu cầu HS phát biểu thành lời nội dung các tính chất đó. | HS: Trả lời các câu hỏi Gv đưa ra  HS: Nêu các tính chât như SGK | **3. Các phép tính về phân số**  **(SGK)**  \* Phép cộng phân số cùng mẫu:  Cộng hai phân số không cùng mẫu, ta viết chúng dưới dạng hai phân số cùng mẫu rồi cộng tử giữ nguyên mẫu chung.  \* Phép trừ phân số:    \* Phép nhân phân số:  \* Phép chia phân số:  \*Tính chất của phép cộng, phép nhân phân số.(Bảng1SGK -63) |
| **C. Hoạt động luyện tập. (12 phút)**  ***Mục tiêu***: Học sinh luyện tập các bài toán về rút gọn phân số, so sánh phân số.  ***Phương pháp:*** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh và hoạt động cá nhân. | | |
| - GV: cho HS làm **bài 155 (SGK-64)**  Điền số thích hợp vào ô vuông:    ? Giải thích cách làm?  - GV: Ta áp dụng tính chất cơ bản của phân số để làm gì?  - GV: cho 2HS làm **bài tập 158 (SGK-64)**  ? Nêu cách giải khác ? | - HS: trả lời; giải bài tập.  HS: ...để rút gọn, quy đồng mẫu các phân số......  - HS 1 làm a  - HS 2 làm b  - HS nêu cách khác | Bài tập 155/64 (SGK)  Điền số thích hợp vào ô vuông:    Bài tập 15864 (SGK)  So sánh hai phân số sau:      Cách khác: |
| **D. Hoạt động vận dụng. (8 phút)**  **Mục tiêu:** Học sinh vận dụng vào bài toán tính giá trị biểu thức, tìm x.  **Phương pháp**: Gợi mở vấn đáp, thuyết minh và hoạt động cá nhân. | | |
| - GV: cho 2HS làm **bài tập 161 (SGK-64)**  ? Nêu cách giải khác ? | - HS 1 làm a  - HS 2 làm b  - HS nêu cách khác | Bài tập 161/64 (SGK)  Tính giá trị của biểu thức: |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2phút)**  **Mục tiêu:** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức trong lớp học.  **Phương pháp**: Ghi chép tích cực. | | |
| **+** Về nhà xem lại các dạng bài tập đã được luyện tập  + Làm các bài tập 162, 163, 164 (SGK trang 65) và bài 151 + 152 + 153 (SBT trang 40) | HS ghi chép lại các bài tập được giao. | **BTVN:** Làm các bài tập 162, 163, 164 (SGK trang 65) và bài 151 + 152 + 153 (SBT trang 40 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 105: ÔN TẬP CHƯƠNG (tiếp).**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- HS hệ thống lại được các kiến thức trọng tâm của phân số và ứng dụng. Các phép tính về phân số và tính chất.Bài toán tìm x. Ba bài toán cơ bản về phân số.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng rút gọn phân số, so sánh phân số, tính giá trị biểu thức, tìm x, giải ba bài toán cơ bản về phân số.

**3. Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc, chú ý, cẩn thận trong quá trình trình bày.

- Yêu thích môn học.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, tư duy logic.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT.

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài và làm bài tập về nhà, SGK, SBT.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức (5 phút)**  **Mục tiêu:** Học sinh phát biểu được quy tắc cộng hai phân số, trừ hai phân số, nhân hai phân số, quy tắc chia hai phân số.  **Phương pháp:**Vấn đáp. | | |
| ? Nêu các phép tính cơ bản với phân số  ? Viết công thức tổng quát ? |  | \* Phép cộng phân số cùng mẫu:    Cộng hai phân số không cùng mẫu, ta viết chúng dưới dạng hai phân số cùng mẫu rồi cộng tử giữ nguyên mẫu chung.  \* Phép trừ phân số:    \* Phép nhân phân số:  \* Phép chia phân số:    \* Tính chất của phép cộng, phép nhân phân số. |
| **C. Hoạt động luyện tập. (12 phút)**  **Mục tiêu:** Học sinh luyện tập dạng toán tìm x, phát biểu được các bài toán cơ bản.  **Phương pháp:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại.  **Hoạt động 1:** Luyện tập dạng toán tìm x (6 phút) | | |
| Áp dụng các kiến thức vừa được nhắc lại, các em hãy lên bảng giải **bài tập 162(SGK -65)** Tìm x, biết:      GV cho HS nhận xét phần trình bày lời giải | 2 HS lên bảng trình bày lời giải  HS nhận xét bài làm | *Bài tập 162/65 (SGK)*  Tìm x biết: |
| **Hoạt động 2:** Luyện tập ba bài toán cơ bản của phân số. (6 phút) | | |
| - GV: Muốn tìm giá trị phân số của một số cho trước ta làm thế nào?  - GV: Muốn tìm một số biết giá trị một phân số của số đó ta làm thế nào?  - GV: Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số ta làm thế nào? | - HS: Muốn tìm  của số b cho trước, ta tính  - HS: Muốn tìm một số biết của số đó bằng a, ta tính  - HS: Trả lời  CT: | **1. Tìm giá trị phân số của một số cho trước.**  Muốn tìm  của số b cho trước, ta tính **2.**  **2. Tìm một số biết giá trị một phân số của số đó.**  Muốn tìm một số biết của số đó bằng a, ta tính  **3. Tìm tỉ số phần trăm của hai số.**  Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b ta nhân a với 100 rồi chia cho b và viết kí hiệu % vào kết quả: |
| **D. Hoạt động vận dụng (25 phút)**  **Mục tiêu:**Học sinh vận dụng ba bài toán cơ bản của phân số để làm các bài toán giải.  **Phương pháp**: Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại. | | |
| GV: Cho HS đọc và tóm tắt đề bài, sau đó lên bảng giải **bài 164 (SGK – 65)**  GV: Cho HS đọc đề bài và giải **bài 165 (SGK–65)**  **Bài 166 (SGK – 65)**  - GV: Cho HS đọc đề bài.  - GV đặt câu hỏi gợi ý cho HS:  + Học kì I, số HS giỏi bằng bằng bao nhiêu phần số học sinh cả lớp?  + Học kì II, số HS giỏi bằng bằng bao nhiêu phần số học sinh cả lớp?  + Số học sinh giỏi tăng thêm ứng với bao nhiêu phần số học sinh cả lớp?  **Bài tập 1\*.**  viết phân số dưới dạng tích của hai phân số, dưới dạng thương của hai phân số ?  **Bài tập 2\*.**  So sánh hai phân số:      GV: sử dụng phân số trung gian thích hợp để thực hiện so sánh. | - HS tóm tắt: 10% giá bìa là 1200đ. Tính số tiền Oanh phải trả?  - Hs lên bảng giải  - HS: Đọc đề bài. Nêu cách giải.  - HS đọc đề bài, trả lời các câu hỏi gợi ý và lên bảng giải bài.  HS nêu hướng giải và lên bảng giải.  - HS nêu hướng làm: Tìm phân số trung gian.  - HS 1 làm a  - HS 2 làm b | **Bài 164 (SGK-65)**  Giải: Giá bìa của cuốn sách là:  1200 : 10% = 12000 (đ)  Số tiền Oanh đã mua cuốn sách là:  12000 – 1200 = 10800 (đ)  Đáp số: 10800 đ  **Bài tập 165(SGK-65)**  Lãi suất 1 tháng là:  **Bài 166 (SGK – 65)**  Học kì I:Số HS giỏi bằng số HS còn lại. Ta suy ra số HS giỏi bằng  số HS cả lớp.  Học kì II: Số HS giỏi bằng  số HS còn lại. Ta suy ra số HS giỏi bằng  số HS cả lớp.  8 bạn HSG tăng thêm ứng với số phần học sinh của cả lớp là:  (Số học sinh cả lớp)  Số HS cả lớp là:  Số HS giỏi học kỳ I của lớp là:  Đáp số: 10 HS  **Bài tập 1\*.**  viết dưới dạng tích hai phân số:    viết dưới dạng thương hai phân số:    **Bài tập 2\*.** |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2phút)**  **Mục tiêu:** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức trong lớp học.  **Phương pháp**: Ghi chép tích cực. | | |
| Về nhà ôn tập lại các kiến thức, các dạng bài đã được học và tìm hiểu nội dung phần ôn tập cuối năm.  Làm bài 156+ III.5 SBT trang 40 + 41 | Ghi nhớ và ghi chép các nội dung được giao | **BTVN** 156+ III.5 SBT trang 40 + 41 |